

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 344/2023/DS-PT
Ngày: 07/7/2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Minh;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Biểu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý 163/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, do có kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7246/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Anh Nguyễn QA, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn QA: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1962; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quang M - Luật sư Văn phòng luật sư C - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Mai: bà Nguyễn Thị N; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi ở: quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Dương Quang M; có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Chị Nguyễn Thị T; có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, Hải Phòng; có mặt.

6. Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng: Ông Nguyễn Huy H - Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cụ Nguyễn Quang S (1909-1978) có vợ là cụ Đinh Thị O (1920-2017). Cụ S và cụ O có 06 người con, gồm: 1) Nguyễn Thị D, sinh năm 1940. 2) Nguyễn Thị M, sinh năm 1952. 3) Nguyễn Thị N (là Liệt sỹ, hy sinh năm 1973, không có chồng con). 4) Nguyễn Thị T, sinh năm 1956. 5) Nguyễn Quang T, sinh năm 1958, chết năm 2008. 6) Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Khi còn sống hai cụ tạo dựng được 502,6m² đất tại thửa số 616, tờ bản đồ số 02, tại thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng. Tài sản trên đất gồm, 01 nhà

gỗ 03 gian, mái ngói, tường xây; 01 nhà dưới 02 gian mái ngói, tường xây; 01 nhà bếp 01 gian mái ngói, tường xây; 01 sân gạch đỏ; 01 giếng nước đào; 01 công trình phụ và chuồng lợn. Sau khi cụ S chết thì cụ O vẫn ở cùng các con trên thửa đất thổ cư của gia đình. Khi ông T lấy vợ đầu là bà Đỗ Thị C (1954-2014) thì về ở cùng với cụ O. Ông T và bà C sinh được 01 người con là Nguyễn QA, sinh năm 1982. Năm 1984 ông T và bà C ly hôn, đến năm 1987 ông T lấy bà Nguyễn Thị N và sinh được 03 người con gái: Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Trong quá trình sinh sống, năm 2001 ông T bà N đã phá nhà gỗ 3 gian và nhà dưới 2 gian của bố mẹ đi để xây lại nhà mới 03 gian như bây giờ. Khi xây căn nhà này, chị em và mẹ chúng tôi có cho $\frac{1}{2}$ số tiền để xây cùng vì gia đình chúng tôi, bố mẹ thờ cúng các cụ, khi bố mẹ chết thì em trai sẽ là người thờ cúng. Cùng với đó thời điểm xây căn nhà nêu trên, con gái lớn của ông T bà N 14 tuổi, con út 08 tuổi, còn đi học, anh chị đều làm nông nghiệp thu nhập thấp, không đủ tiền xây nên mẹ và chị em chúng tôi cùng đóng góp cho ông T và bà N tiền (hiện tại căn nhà đang là nhà thờ cúng 03 thế hệ, cúng các cụ, cúng bố mẹ chúng tôi và em gái chúng tôi là liệt sỹ hy sinh). Năm 2003, ông T ly hôn bà N. Sau khi ly hôn, bà N và các con đã ra ở nhờ nhà của em trai bà N và đến năm 2004, bà N được Nhà nước cấp đất ở với diện tích 141m², vị trí đất ở đồng S, tờ bản đồ số 02. Sau khi ông T chết, chị em và cháu chúng tôi cho bà N cùng các con gái của ông T về ở nhờ trên nhà đất của bố mẹ chúng tôi. Tuy ở nhờ trên đất của gia đình chúng tôi nhưng bà N đã tự ý phá nhà bếp và công trình phụ của bố mẹ chúng tôi để xây lại nhà bếp và công trình phụ như hiện tại. Năm 2020 bà N đã nhận tiền cọc để định bán 200m² đất của gia đình. Lúc đó chị em nguyên đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã P giải quyết ngăn chặn việc mua bán không hợp pháp, thì được biết từ năm 2006, ông T đã tự ý làm thủ tục để Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01268, ngày 29/12/2006 đối với toàn bộ thửa đất trên, thửa 616, tờ bản đồ số 02, diện tích 502,6m², thôn S xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng. Tháng 4 năm 2021 chúng tôi có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện T để nhờ Ủy ban nhân dân ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của bà Nguyễn Thị N. Ngày 13/7/2021 Ủy ban nhân dân xã P đã có Biên bản làm việc, đã có xác nhận và khẳng định của các bên về nguồn gốc thửa đất số 616 của các cụ Nguyễn Quang S và Đinh Thị O. Thửa đất số 616, đang được hộ ông Nguyễn Quang T đứng tên là di sản thừa kế cho các con của các cháu.

Nay, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: 1. Chia di sản thừa kế là diện tích đất 502,6m² thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng. 2. Đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Quang T.

Trình bày và đề nghị của bị đơn bà Nguyễn Thị N: Bà lấy ông Nguyễn Quang T năm 1986, sau đó vợ chồng ở với mẹ chồng và anh Nguyễn QA trên diện tích đất 502,6m², tại thôn S, xã P của bố mẹ chồng. Lúc đó cụ O là mẹ chồng có căn nhà 3 gian mái ngói, sau 03 năm thì cụ O đồng ý để cho vợ chồng bị đơn phá bỏ nhà cũ xây nhà mới thành 03 gian như hiện nay. Số tiền xây nhà là do vợ chồng bị đơn bỏ ra và một phần do bên ngoại của bị đơn cho. Quá trình sinh sống bà và ông T có 03 người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T. Ông T là người cục tính, hay gắt gỏng, chửi mắng vợ con và đánh bà nên mẹ chồng bà và bà có lúc phải đi ở nhờ ở. Năm 2003 bà ly hôn ông T, thời điểm đó vợ chồng chưa giải quyết về tài sản chung. Năm 2008 ông T ốm bà vẫn chăm sóc, thuốc thang đến khi ông T chết thì còn lo mai táng. Quá trình vợ chồng chung sống cũng nhiều năm, cũng như sau khi ông T chết thì bà vẫn luôn chăm chút cho gia đình, vẫn thường xuyên tu bổ nhà cửa mới có cơ ngơi như hiện nay. Khi xảy ra tranh chấp diện tích đất và tài sản gắn liền với đất đã được xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bị đơn chỉ có các tài sản gắn liền với đất và tài sản này là tài sản chung giữa bị đơn với ông T, chứ không phải là tài sản của ai khác.

Nay, nguyên đơn đề nghị chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T thì bị đơn không đồng ý vì diện tích đất đó cụ O đã cho ông T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T.

Trình bày và đề nghị của bị đơn chị Nguyễn Thị H: Thống nhất với trình bày của bị đơn là bà Nguyễn Thị N. Nay, nguyên đơn khởi kiện chị không đồng ý.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn cũng như bị đơn về quan hệ nhân thân, huyết thống. Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về tài sản của bố mẹ để lại cũng như việc quan hệ hôn nhân của ông T với bà N. Năm 2001 ông T bà N đã phá nhà gỗ 3 gian, nhà dưới 2 gian, sân gạch đỏ của bố mẹ chúng tôi để xây căn nhà như hiện tại (ngôi nhà hiện tại là xây trên nền nhà gỗ 3 gian của cha mẹ chúng tôi). Khi xây căn nhà này, chị em và mẹ chúng tôi có cho ½ số tiền để xây nhà vì nhà có 1 con trai nối dõi tông đường. Hiện tại gia đình chúng tôi đang thờ cúng 3 thế hệ và thờ liệt sỹ. Khi xây căn nhà này, các con bà N còn bé, đứa lớn 14 tuổi, đứa bé 8 tuổi, không đủ khả năng xây nên mẹ và các chị em chúng tôi đều phụ vào cùng anh trai. Năm 2003 ông T và bà N ly hôn. Năm 2004 bà N và 3 con gái bà N đã được nhà nước cấp đất ở tại thôn S. Năm 2006, ông Nguyễn Quang T đã tùy tiện đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 616, tờ bản đồ số 2 tại thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng mà chưa được sự đồng ý của mẹ và chị em chúng tôi. Năm 2008, ông T chết, bà N cùng các con tự ý về ở nhờ trên thửa đất của cha mẹ chúng tôi. Tùy tiện phá chuồng lợn, công trình phụ, nhà bếp và lấp giếng

nước đào của cha mẹ chúng tôi để xây công trình phụ như hiện tại. Năm 2020 bà Nguyễn Thị N (là vợ đã ly hôn của ông Nguyễn Quang T) tự ý gọi người chia lô bán nền trên thửa đất 616, tờ bản đồ số 2 của cha mẹ chúng tôi để lại, đã nhận tiền đặt cọc. Nay, các bà đề nghị: Các chị em thuộc hàng thừa kế thứ nhất tự nguyện cắt riêng ra 01 lô đất diện tích 100m², trong số 502,6m² là di sản thừa kế nói trên của bố mẹ để làm nhà từ đường, thờ cúng ông bà và thờ liệt sỹ cho muôn đời sau. Số đất còn lại 402,6m² của bố mẹ chúng tôi nhờ Tòa án phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 29/12/2006 cho ông Nguyễn Quang T đối với thửa đất số 616, tờ bản đồ số 02, tại thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng có diện tích 502.6m².

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T: Thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị N về quan hệ nhân thân, huyết thống với ông Nguyễn Quang T. Nguồn gốc diện tích đất 502,6m² là do ông bà nội các chị để lại cho bố mẹ các chị. Các chị không biết có văn bản di chúc của ông bà cho bố mẹ các chị hay không và thủ tục làm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào. Bố các chị đánh đập các chị nên mẹ các chị phải ly hôn. Sau khi ly hôn mẹ các chị vẫn về nhà để chăm lo nhà cửa, đất cát. Khi bố các chị mất, 04 anh chị em các chị và mẹ các chị vẫn về nhà ở bình thường. Nay, nguyên đơn khởi kiện, các chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì điều đó phủ nhận công sức nuôi dưỡng của mẹ các chị với anh Nguyễn QA là anh của các chị và công sức của mẹ các chị tu tạo, gìn giữ đất cát, chăm lo cho gia đình. Các chị mong muốn công sức của mẹ các chị phải được ghi nhận.

Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng: Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 37, Điều 38; Điều 39; Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; căn cứ Điều 100, Điều 188, Điều 203 của Luật Đất đai; căn cứ Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Quang S và cụ Đinh Thị O đối với diện tích đất diện tích đất 502,6m² (thực tế 491,6m²), thửa số 616, tờ bản đồ số 02, tại thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Quang T.

2. Anh Nguyễn QA, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T quản lý sử dụng diện tích đất và các tài sản gắn liền với đất theo

hiện trạng thực tế 491,6m² thửa số 616, tờ bản đồ số 02, tại thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng gồm các mốc giới 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-1 (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau phiên toà sơ thẩm, ngày 13 tháng 12 năm 2022, đồng nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn QA và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư Dương Quang M đại diện cho bà T, anh QA, bà D, bà Mai và bà N trình bày: Không có bất cứ tài liệu, tình tiết nào chứng minh cụ O đã cho riêng cá nhân ông Nguyễn Quang T thửa đất số 616. Tại giai đoạn sơ thẩm, do các bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên nguyên đơn rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ S, đồng thời yêu cầu Tòa án chia phần di sản đó bằng hình thức chia tài sản chung. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận yêu cầu chia tài sản chung của các Nguyên đơn. Bên cạnh đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên vượt quá phạm vi khởi kiện khi bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các Nguyên đơn nhưng lại công nhận quyền quản lý sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của anh QA, chị Hoà, chị T và bà N. Bà N là người không có quyền gì đối với đất nhưng được công nhận quyền đối với phần di sản của cụ S và cụ O là không đảm bảo sự công bằng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Phiên toà được mở với đầy đủ thành phần, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, tuy nhiên thời gian xét xử vụ án khá lâu. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng. Vụ án không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

Kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp chia thừa kế: Theo Sổ Mục kê năm 1976 xã P thể hiện: Trang số 27, số mảnh 15, số thửa 101, tên chủ sử dụng là Ng T Sinh, diện tích 487m², loại đất thổ cư. Mặc dù tên chủ sử dụng là Ng T Sinh nhưng xung quanh thửa đất 101 là các thửa đất mà các chủ sử dụng là Phạm Thị Đ, Phạm Thị D cũng là các chủ sử dụng thửa đất xung quanh thửa 616 hiện nay. Vị trí thửa đất 101 có các hộ giáp ranh như các hộ giáp ranh của thửa 616 hiện nay. Theo Sổ Mục kê năm 1986 xã P thể hiện: Thửa 616, tên chủ sử dụng Nguyễn Quang T, diện tích 487m². Theo Sổ Đăng ký ruộng đất năm 1989 xã P thể hiện: Thửa 99, tên chủ sử dụng Ng Q T, số thửa 616, diện tích 487m², đất thổ cư. Quá trình sử dụng thửa đất ông T không có tranh chấp với các hộ giáp ranh. Bị đơn thừa nhận nguồn gốc diện tích đất là của cụ S và cụ O để lại cho ông T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là tài sản chung của các cụ Nguyễn Quang S và Đinh Thị O là đúng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của cụ S và cụ O chỉ đến năm 1978 (năm cụ S chết) là chưa chính xác. Cụ S chết năm 1978. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Tính đến khi nguyên đơn khởi kiện, phần di sản của cụ S đã hết thời hiệu khởi kiện. Hết thời hạn 30 năm này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Phần di sản của cụ S là ½ nhà đất tại thửa đất số 616 tờ bản đồ số 2 thôn S, xã P, huyện T, Hải Phòng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại giao toàn bộ phần diện tích đất là 491,6m² cho anh QA, bà N, chị T, chị H, chị T quản lý sử dụng là không đúng.

[2.2] Trong quá trình sử dụng đất ông T đã phá nhà cũ xây dựng nhà mới. Năm 2006 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm xây nhà cũng như khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ O còn sống. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của C án Tòa án nhân dân tối cao, để xác định cụ O đã cho ông T phần tài sản của cụ khi còn sống là đúng. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm cũng gộp cả phần di sản của cụ S và mặc nhiên cho rằng phần di sản đó đã cho ông T là không đúng. Cụ S chết không có di chúc từ năm 1978, như trên đã phân tích phần di sản còn lại sẽ thuộc những người quản lý di sản.

[2.3] Hơn nữa, nếu theo như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm, toàn bộ diện tích đất 502,6m² (diện tích thực tế 491,6m²) thửa số 616, tờ bản đồ số 02, tại thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng là tài sản của ông Nguyễn Quang T thì năm 2008, ông T chết, cụ O có quyền thừa kế di sản của ông T. Do đó hàng thừa kế thứ

nhất của cụ O cũng có quyền thừa kế đối với phần di sản này. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của các con cụ O là chưa đúng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ O.

[2.4] Các bà Mai, bà D, bà N khai có đóng góp $\frac{1}{2}$ số tiền để cho ông T bà N xây nhà năm 2001 để làm nơi thờ cúng. Trong khi bà N trình bày tiền xây nhà do vợ chồng bà bỏ ra một phần và do gia đình bên ngoại cho. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tình tiết này để tính công sức tôn tạo, quản lý di sản của các bà Mai, bà D, bà N.

[2.5] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ O đề nghị chia di sản là quyền sử dụng đất để có nơi thờ cúng các cụ và nơi thờ cúng các liệt sĩ. Do đó, trong trường hợp đủ điều kiện để chia quyền sử dụng đất, cần phải xem xét thẩm định kỹ địa hình, đo vẽ tọa độ chi tiết. Đảm bảo việc phân chia hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến kết cấu vật kiến trúc, sự bền vững khối công trình đang có sẵn, đảm bảo hạn chế tối đa sự xáo trộn của các chủ thể đang sinh sống; đảm bảo sự hợp lý trong công năng sử dụng nhà, đất của tất cả các chủ thể được phân chia.

[2.6] Trong vụ án các đương sự chỉ phản bác yêu cầu chia thừa kế của nhau, không có đương sự nào yêu cầu Tòa án phân định giao diện tích nhà đất hết thời hiệu chia thừa kế cho ai quản lý, sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao là vượt quá yêu cầu của đương sự. Trường hợp Tòa án đã làm rõ yêu cầu của đương sự, giao cho đương sự quản lý theo yêu cầu thì cũng phải tính án phí theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, HĐXX cần chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn QA và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Mai và bà Nguyễn Thị N, căn cứ Điều 310 BLTTDS, huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, bà T, anh QA, bà Mai, bà N và bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn QA; bà Nguyễn Thị

D, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N, huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: bà T, anh QA, bà Mai, bà N và bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA

Hồ Sỹ Hưng

Trần Quang Minh

Nguyễn Mạnh Tiến